

Bản án số: 121/2023/HS-PT

Ngày: 04/8/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B G

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết.

Ông Nguyễn Việt H;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoài Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B G.

- Đại diện VKSND tỉnh B G tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm Hạnh -
Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B G xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 182/TLPT-HS ngày 06/6/2023 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh H; Chu Văn V; Đặng Văn B, do có kháng cáo của bị cáo H, bị cáo V và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 44/HS-ST, ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B G.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/QĐPT-HS ngày 11/7/2023 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 106/TB-TA ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B G.

** Bị cáo có kháng cáo và có liên quan đến kháng nghị:*

1. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Tâm Q, phường Bãi B, thành phố Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1940; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1947 đều trú tại tổ dân phố Tâm Q, phường Bãi B, thành phố Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên; gia đình có ba chị em bản thân là thứ ba; Vợ Đào Thị H2, sinh năm 1979 làm nhân viên Bảo hiểm nhân thọ tỉnh Thái Nguyên, trú tại: Tổ dân phố Tâm Q, phường Bãi B, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2019.

Nhân thân: Ngày 28/8/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G, (có mặt tại phiên tòa).

2. Chu Văn V, sinh năm 1992;

Nơi ĐKHKTT: Thôn Nà N, xã Năng Kh, huyện Na H, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố Tâm Q, phường Bãi B, thành phố Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Chu Mạnh L1, sinh năm 1964; con bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969 đều làm ruộng trú tại thôn Nà N, xã Năng Kh, huyện Na H, tỉnh Tuyên Quang; gia đình có hai anh em bản thân là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G, (có mặt tại phiên tòa).

** Bị cáo có liên quan đến kháng nghị:*

3. Đặng Văn B, sinh năm 1993;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Tân M, phường Phố C, thành phố Sông C, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Đặng Văn T, (đã chết); con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963 làm ruộng trú tại tổ dân phố Tân M, phường Phố C, thành phố Sông C, tỉnh Thái Nguyên; gia đình có ba anh em bản thân là thứ ba. Vợ, con: Chưa có.

- Nhân thân: Quyết định số 0098961/QĐ-XPHC ngày 21/5/2021, Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Chấp hành xong tiền phạt vào ngày 28/6/2021.

- Tiền sự: Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 08/3/2022, Công an thành phố Sông C, tỉnh Thái Nguyên về việc xử phạt vi phạm hành chính hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Thanh L Bộ Công an, (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh B G; do ông Ngô Văn Tr, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện V là người đại diện theo ủy quyền, (vắng mặt);

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H, do ông Hoàng Văn H3, sinh năm 1959 (nhân viên bảo vệ Công ty) là người đại diện theo ủy quyền, (vắng mặt);

Địa chỉ: TDP Thành Ch, thị trấn Phồn X, huyện Y, tỉnh B G.

3. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh B G; do ông Dương Văn T2, Chánh Văn phòng UBND huyện L là người đại diện theo ủy quyền, (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố Toàn Mỹ, thị trấn Vôi, huyện L, tỉnh B G.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1961, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đài 1, phường Đắc S, thành phố Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Đào Thị H2, sinh năm 1979, vợ bị cáo H, (có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947, mẹ bị cáo H, (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H1 bố bị cáo H, (có mặt);

Đều có nơi cư trú: TDP Tâm Quang, phường Bãi Bông, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Ông Chu Mạnh L1, sinh năm 1964, bố bị cáo V, (vắng mặt);

5. Anh Chu Văn Th, sinh năm 1994, anh trai bị cáo V, (vắng mặt);

Đều có cư trú: Thôn Nà N, xã Năng Kh, huyện Na H, tỉnh Tuyên Quang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố Tâm Q, phường Bãi B, thành phố Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên; Chu Văn V, sinh năm 1992, trú tại: Thôn Nà N, xã Năng Kh, huyện Na H, tỉnh Tuyên Quang và Đặng Văn B, sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố Tân M, phường Phố C, thành phố Sông C, tỉnh Thái Nguyên là các đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, có quan hệ bạn bè quen biết nhau.

Khoảng đầu tháng 7/2022, H và B có quen biết một đối tượng tên Q nhà ở tỉnh Gia Lai và được Q có rủ đi trộm cắp dây cáp điện ngầm của hệ thống đèn chiếu sáng công cộng được bố trí tại các tuyến đường, tuyến phố bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, H và B đồng ý. Tuy nhiên, cả ba chưa thực hiện được vụ trộm cắp nào thì Quang có việc phải vào Gia Lai nên đã để lại cho H các dụng cụ là kéo, kìm cắt và xẻng. Sau đó, H mua thêm chèo, găng tay, tô vít, búa, búa điện và xà cày của một người không quen biết tại chợ Phổ Y, thành phố Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên rồi rủ Chu Văn V cùng tham gia trộm cắp dây cáp điện.

Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2022 đến ngày 21/9/2022, H và Vĩnh thực hiện 09 vụ; Bình thực hiện 08 vụ trộm cắp dây cáp điện ngầm của hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên địa bàn các huyện V, Y và L, tỉnh B G (trong đó, huyện V 02 vụ; huyện Y 01 vụ; huyện L 06 vụ). Cụ thể như sau:

* Vụ thứ nhất: Vào đêm một ngày tháng 7/2022 (không xác định được ngày), H điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, biển kiểm soát 99A-023.62,

chở B và V mang theo các dụng cụ trộm cắp gồm: Kim, xà cày, xẻng, choòng, găng tay, tô vít, bút thử điện đi từ Thái Nguyên đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn Đông M, xã Hương M, huyện V, tỉnh B G mục đích tìm dây cáp điện của hệ thống đèn chiếu sáng công cộng để trộm cắp. Tại đây, H ngồi trên xe cảnh giới; còn Bình xuống xe dùng choòng cạy, mở bảng hộp điện của các cột đèn chiếu sáng ký hiệu QR- 18C và QR-19A rồi dùng kim cắt đứt đầu nối dây cáp điện với bảng điện. Sau đó, B và V sử dụng xẻng, xà cày đào các hố tại chân cột đèn rồi cả ba người cùng nhau dùng tay cầm một đầu của dây cáp điện kéo lên được 53m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisun chôn ngầm nối giữa hai cột đèn ra khỏi đường ống và dùng kim cắt dây cáp điện này thành từng đoạn dài khoảng 01m cho lên xe ô tô. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Bình và Vĩnh đến đoạn đường tránh Quốc lộ 37 thuộc địa phận tổ dân phố Dục Q, thị trấn Bích Đ, huyện V, tỉnh B G. Tại đây, bằng cách làm tương tự như trên, các bị cáo trộm cắp được 31m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisun chôn ngầm nối từ cột đèn ký hiệu TĐ2-49 đến cột đèn TĐ2-50 và 31m dây cáp điện Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisun chôn ngầm nối từ cột đèn ký hiệu TĐ2-51 đến cột đèn TĐ2-52 rồi tiếp tục dùng kim cắt, chia dây cáp điện thành các đoạn dài khoảng 01m cho lên xe ô tô. Số dây cáp điện trộm cắp được, các bị cáo chở đến nhà bà Bùi Thị D, sinh năm 1961 ở tổ dân phố Đ 1, phường Đắc S, thành phố Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên và bán cho bà Duyên được số tiền khoảng 7.000.000đ. Số tiền này, sau khi chi tiêu chung thì mỗi người chia nhau được khoảng 1.700.000đ.

* Vụ thứ hai: Vào đêm một ngày tháng 9/2022 (không xác định được ngày), H điều khiển xe ô tô BKS 99A-023.62 chở B và V xuống đoạn đường khu vực cầu Nổi, thuộc thôn B, xã Thượng L, huyện V, tỉnh B G trộm cắp dây cáp điện. Tại đây, hệ thống dây cáp điện ngầm được đặt sát thành cầu, không chôn dưới đất nên B và V không phải đào hố ở vị trí chân cột mà dùng kéo cắt đứt hai đầu dây cáp ở hai bên thành cầu nối giữa cột đèn ký hiệu TL1-24C và TL1-25A, được 33m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisun. Cũng tại tuyến đường này, các bị cáo mở nắp bảng điện của cột đèn, dùng kim cắt 04 đoạn dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisun có tổng chiều là 7,6m nằm bên trong thân cột đèn nối từ bảng điện đến chân cột, gồm: 02m dây trong cột đèn ký hiệu TL1 - 27C; 02m dây trong cột đèn TL1-28A; 1,8m dây trong cột TL1-15C và 1,8m dây trong cột TL1 - 16A thuộc địa phận thôn Đ, xã Tự L, huyện V. Toàn bộ số dây cáp điện trộm cắp được, các bị cáo cắt thành đoạn nhỏ mang đến bán cho bà Bùi Thị D được khoảng 1.000.000đ. Số tiền này, các bị cáo dùng chi tiêu chung hết.

Ngày 05/8/2022, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện V là ông Ngô Văn Tr - Phó trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện V có đơn trình báo Cơ

quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V, tỉnh B G về việc bị mất trộm tài sản là dây cáp điện của hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, (BL 368);

* Vụ thứ ba: Khoảng đêm một ngày giữa tháng 8/2022 (không xác định được ngày), H điều khiển xe ô tô BKS 99A-023.62 chở B và V mang theo các dụng cụ trộm cắp, gồm kìm, xà cày, xẻng và lục lăng đi từ Thái Nguyên xuống đoạn đường thuộc khu đô thị Phồn X, thị trấn Phồn X, huyện Y, đang được Công ty Cổ phần đầu tư Minh H, địa chỉ: Đường Nguyễn Doãn Đ, phường Trần Nguyên H, thành phố B G thi công xây dựng (gọi tắt là Công ty Minh H). Đến nơi, H ngồi trên xe cảnh giới, còn B xuống xe dùng dụng cụ hình lục lăng vặn mở nắp hộp điện, dùng kìm cắt đầu nối dây cáp điện với bảng điện của các cột đèn ký hiệu từ TCS2-3.11 đến TCS 2-3.13. Sau đó, B và V dùng xẻng, xà cày cạy gạch lát, đào hố ở chân cột đèn rồi cả ba người cùng nhau kéo lên được 89,2m dây cáp điện lõi đồng loại CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x16 được chôn ngầm nối giữa các cột đèn trên. Số dây cáp điện trộm cắp được các bị cáo cắt chia nhỏ thành từng đoạn rồi chở đến bán cho bà Bùi Thị D được số tiền khoảng 4.000.000đ. Số tiền này, sau khi chi tiêu chung, các bị cáo chia nhau mỗi người được khoảng 1.200.000đ.

Ngày 25/9/2022, ông Hoàng Văn H3, sinh năm 1959 ở thôn Thành Tr, thị trấn Phồn X, huyện Y là nhân viên bảo vệ của Công ty Minh H phát hiện bị mất trộm dây cáp điện ở các cột đèn chiếu sáng nên đã làm đơn trình báo Công an huyện Y về việc bị mất trộm khoảng 380m dây cáp điện, trị giá khoảng 80.000.000đ. Tại lần phạm tội này, các bị cáo chỉ thừa nhận trộm cắp 89,2m dây cáp điện; số lượng dây cáp điện còn lại thì các bị cáo không thừa nhận, (BL 153).

* Vụ thứ tư: Vào rạng sáng một ngày tháng 9/2022 (không xác định được ngày), H điều khiển xe ô tô BKS 99A-02362 chở B và V mang theo các dụng cụ trộm cắp đi từ Thái Nguyên xuống đoạn đường km 27+ 100 đường tỉnh 295 thuộc địa phận Thôn T, xã Tiên L, huyện L để tìm dây cáp điện trộm cắp. Đến nơi, H ngồi trên xe cảnh giới, còn B dùng chèo cạy mở nắp hộp điện, dùng kìm cắt đầu nối dây cáp điện với bảng điện của các cột đèn ký hiệu từ 13/T9 đến cột 16/T9. Sau đó, B và V dùng xẻng, xà cày đào hố ở chân cột đèn rồi cả ba người cùng nhau kéo lên được 132,6m dây cáp điện, loại bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x16+1x10 chôn ngầm nối giữa các cột đèn nêu trên. Số dây cáp điện trộm cắp được, các bị cáo cắt chia nhỏ thành từng đoạn dài khoảng 1m, cho lên xe ô tô, rồi chở đến bán cho bà Bùi Thị D được 9.000.000đ. Số tiền này, các bị cáo chia nhau mỗi người được 3.000.000đ và chi tiêu cá nhân hết.

* Vụ thứ năm, thứ sáu: Vào đêm một ngày tháng 9/2022 (không xác định được ngày), H điều khiển xe ô tô BKS 99A-023.62 chở B và V mang theo các dụng cụ trộm cắp đi từ Thái Nguyên xuống đoạn đường 295 thuộc địa phận thôn Giữa, xã Tiên Lục, huyện L để tìm dây cáp điện trộm cắp. Bằng phương thức, thủ đoạn tương tự như vụ trộm cắp trước đó, các bị cáo trộm cắp được tổng số 209,7m

dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x25+1x6 từ cột đèn ký hiệu 4 - L2/T4 đến cột đèn ký hiệu 2 - L1/T4 rồi đem đến bán cho bà Bùi Thị D được số tiền khoảng 15.000.000đ. Số tiền này, sau khi chi tiêu chung các bị cáo chia nhau mỗi người được khoảng 3.000.000đ và đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến đêm, rạng sáng vài ngày hôm sau, các bị cáo tiếp tục quay lại tuyến đường đường 295 thuộc địa phận thôn G, xã Tiên L, huyện L tiếp tục trộm cắp 212,5m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x25+1x6 chôn ngầm nối từ cột đèn 2 - L1/T4 đến cột đèn 7 - L1/T4 rồi cắt thành từng đoạn dài khoảng 1m đem đến bán cho bà Bùi Thị D được số tiền khoảng 15.000.000đ. Số tiền này, sau khi chi tiêu chung mỗi người chia nhau được khoảng 3.000.000đ và đã chi tiêu cá nhân hết.

* Vụ thứ bảy, thứ tám: Vào đêm một ngày tháng 9/2022 (không xác định ngày), H điều khiển xe ô tô BKS 99A-02362 chở B và V mang theo các dụng cụ trộm cắp đi từ Thái Nguyên xuống đoạn đường thuộc địa phận thôn Trong, xã Tiên Lục, huyện L. Bằng phương thức, thủ đoạn như đã thực hiện tại các vụ trộm cắp trước đó, H, Vĩnh và Bình trộm cắp được 87,6m dây cáp điện, loại 04 lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x10+1x6 được chôn ngầm nối từ cột 4 - L2/T2 đến cột 6 - L2/T2 tại tuyến đường thuộc địa phận thôn Tr, xã Tiên L, huyện L, tỉnh B G rồi cắt thành từng đoạn đem đến bán cho bà Bùi Thị D được số tiền khoảng 3.000.000đ.

Sau lần trộm cắp này khoảng 1-2 ngày, các bị cáo tiếp tục đi xuống tuyến đường thuộc địa phận thôn T, xã Tiên L, huyện L, tỉnh B G trộm cắp được 130,3 mét dây cáp điện, loại 04 lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x10+1x6 từ cột (4 - L2)/T2 đến cột (7 - L2)/T2 rồi đem bán cho bà Bùi Thị D được số tiền khoảng 4.000.000đ. Toàn bộ số tiền trộm cắp, sau khi chi tiêu chung các bị cáo chia nhau mỗi người được khoảng 1.500.000đ, đã chi tiêu cá nhân hết.

* Vụ thứ chín: Vào khoảng 0 giờ ngày 22/9/2022, H điều khiển xe ô tô BKS 99A-023.62 chở V đi từ Thái Nguyên tiếp tục đi đến tuyến đường thuộc địa phận thôn T, xã Tiên L, huyện L, tỉnh B G, (tuyến đường trộm cắp vụ thứ tư). Đến nơi, H dùng chèo cày, mở nắp đậy hộp điện của cột điện chiếu sáng rồi dùng kìm cắt đứt dây điện đầu nối từ bảng điện xuống chân cột còn V sử dụng xẻng, xà cày đào các hố tại chân cột đèn điện. Sau đó H, V cùng nhau dùng tay cầm một đầu dây điện kéo ra khỏi đường ống ngầm rồi dùng kìm cắt chia dây cáp điện thành các đoạn có kích thước dài khoảng 01 mét để lên xe ô tô. Tại đây, H và V trộm cắp được 159,6m dây cáp điện, loại 04 lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x10+1x6 từ cột 7 - L2/T2 đến 8 - L2/T2 và từ cột 8 - L2/T2 đến cột 12 - L2/T2. Khi đang chuẩn bị trộm cắp tiếp thì H và V bị Tổ công tác công an huyện L phối hợp với Công an xã Tiên L tuần tra kiểm soát phát hiện, yêu cầu kiểm tra. Thấy vậy, V bỏ chạy xuống khu vực cánh đồng thôn T, xã Tiên L, huyện L, tỉnh B G,

còn H bỏ chạy đến khu vực Cầu Bến T thuộc xã Mỹ H, huyện L, tỉnh B G đến khoảng 05 giờ sáng ngày 22/9/2022 thì bị lực lượng công an phát hiện, đưa về trụ sở làm việc.

Tại kết luận định giá tài sản số 142/KL-HĐĐGTS ngày 03/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện V, kết luận: “53m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum có giá 19.511.155đ; 62m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum có giá 22.824.370đ; 3,6m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum có giá 1.325.286đ; 04m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum có giá 1.472.540đ; 33m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum có giá 12.148.455đ; 33m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum có giá 12.148.455 đồng”, (vụ thứ nhất, thứ hai; BL: 339).

Tại các kết luận định giá tài sản số 77 ngày 14/10/2022; số 06 ngày 17/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y, kết luận:

“378m dây cáp đồng loại CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x16 có giá 48.384.000đ”;

“01m dây cáp đồng loại cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x16 có giá 128.000đ; 89,2m dây cáp đồng loại cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x16 có giá 11.417.600đ”, (vụ thứ ba - BL 79, 85);

Tại các kết luận định giá tài sản số 85, 89 cùng ngày 29/9/2022; số 109, ngày 12/12/2022; số 18, ngày 09/02/2023; số 22, ngày 15/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận:

“01m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x16+1x10; cũ đã qua sử dụng, (lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2021 có giá 188.000đ”;

“01m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x25+1x6; cũ đã qua sử dụng, (lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2020 có giá 211.200đ”;

“01m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x10+1x6; cũ đã qua sử dụng, (lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2021 có giá 88.000đ”.

“132,6 mét dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x16+1x10; cũ đã qua sử dụng, (lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2021 có giá 24.928.800đ”. (Vụ thứ tư);

“209,7m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x25+1x6; cũ đã qua sử dụng, (lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2020 có giá 44.288.640đ; 212,5m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x25+1x6 ; cũ đã qua sử dụng, (lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2020 có giá 44.880.000đ.”. (Vụ thứ năm, thứ sáu);

“87,6m dây cáp điện loại 04 lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x10+1x6, cũ đã qua sử dụng lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2021 có giá có

giá là 7.708.800đ; 130,3m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x25+1x6, cũ đã qua sử dụng lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2021 có giá 11.466.400đ”. (Vụ thứ bảy, thứ tám);

“159,6m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x10+1x6, cũ đã qua sử dụng lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2021 có giá 14.044.800đ”. (Vụ thứ chín), (các BL: 784 -788).

Bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 31/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 173 BLHS.

Bản án hình sự sơ thẩm số 44/HS-ST, ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L tỉnh B G đã quyết định:

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 173; các Điều 17, 38, 58; điểm b, s khoản 1 khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự; các Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thanh H, Chu Văn V.

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 173; các Điều 17, 38, 58; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự; các Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Đặng Văn B.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2022.

- Xử phạt: Bị cáo Chu Văn V 07 (bảy) năm, 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2022.

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn B 07 (bảy) năm, 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 589 Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh H, Chu Văn V, Đặng Văn B phải liên đới bồi thường cho UBND huyện V, tỉnh B G 19.081.800đ (mười chín triệu không trăm tám một nghìn tám trăm đồng). Cụ thể bị cáo Nguyễn Thanh H bồi thường 7.081.800đ, (bảy triệu không trăm tám một nghìn tám trăm đồng); bị cáo Chu Văn V bồi thường 6.000.000đ, (sáu triệu đồng), bị cáo Đặng Văn B bồi thường 6.000.000đ, (sáu triệu đồng).

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh H, Chu Văn V, Đặng Văn B phải liên đới bồi thường cho UBND huyện L, tỉnh B G 47.317.000đ, (bốn bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng). Cụ thể bị cáo Nguyễn Thanh H bồi thường 15.917.000đ, (mười lăm triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng); bị cáo Chu Văn V bồi thường 15.700.000đ, (mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng), bị cáo Đặng Văn B bồi thường 15.700.000đ, (mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Chấp nhận thỏa thuận, buộc bị cáo Đặng Văn B phải bồi thường cho Công ty cổ phần đầu tư Minh H 20.000.000đ, (hai mươi triệu đồng).

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 kim cộng lực dài 58cm; 01 kim cộng lực dài 68cm; 01 kim cộng lực dài 90cm; 03 đôi găng tay; 01 bút thử điện dài 12cm; 01 túi vải hình chữ nhật; 01 chòong hình chữ L dài 19cm; 01 chiếc kéo dài 19cm; 01 chiếc kim cắt màu xanh dài 20cm; 01 cặp da màu đen; 01 bảng điện nhựa màu đen và 12 đầu đoạn dây kim loại đã bị cắt ngắn cũ đã qua sử dụng; 01 ổ cứng HDD 2,5” dung lượng 2TB nhãn hiệu WD; 01 chiếc xẻng cán bằng kim loại dài 93cm; 01 chiếc xà cày bằng kim loại dài 92cm; 01 chiếc kim bấm vỏ màu xanh dài 20cm; 01 túi nilon màu trắng được niêm phong dán kín, trên túi có chữ ký những người liên quan và đóng dấu cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, bên trong có nhiều đoạn dây điện kích thước khác nhau.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone màu đen, 01 điện thoại Iphone màu vàng, 01 điện thoại Samsung màu đen đều của bị cáo H; 01 điện thoại Iphone màu đen của bị cáo V; 01 điện thoại Iphone màu đen của bị cáo B.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thanh H 01 Sổ hộ khẩu chủ hộ mang tên Nguyễn Thanh H; 01 Chứng minh nhân dân; 01 Giấy phép lái xe hạng B2; 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Nguyễn Thanh H; 01 ví da màu đen và 12.500.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bà Nguyễn Thị L 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển kiểm soát 99A-023.62; 01 đăng ký xe ô tô BKS 99A-023.62; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 giấy chứng nhận kiểm định.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; các Điều 21; 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Đặng Văn B phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.085.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Chu Văn V.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thi hành án dân sự; quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2023, bị cáo H và bị cáo V nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 08/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

+ Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo H và Vĩnh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trách nhiệm hình sự: Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo H, V phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với hình phạt của bị cáo H và bị cáo V.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Các bị cáo phải có trách nhiệm ngang nhau về bồi thường thiệt hại cho người bị hại trong các vụ trộm cắp mà các bị cáo đã tham gia;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với vật chứng là chiếc ô tô nhãn hiệu Kia Morning, BKS 99A-023.62.

+ Các bị cáo H, Vĩnh không có tranh luận gì và nói lời sau cùng: Đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt.

+ Bị cáo B không có tranh luận gì và nói lời sau cùng: Bị cáo đồng ý với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

+ Chị Đào Thị H2 là vợ bị cáo H và ông Nguyễn Văn H1 là bố của bị cáo H tham gia tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, BKS 99A-023.62 cho gia đình ông H1 vì lý do: Vợ chồng ông H1 đã nhờ bị cáo H đi mua xe ô tô và đứng tên trong Giấy mua bán xe.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G tham gia đối đáp: Giữ nguyên quan điểm về đường lối giải quyết của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2022 đến ngày 22/9/2022, Nguyễn Thanh H, Chu Văn V và Đặng Văn B đã thực hiện 02 vụ trộm cắp trên địa bàn huyện V, tỉnh B G; 01 vụ trộm cắp trên địa bàn huyện Y, tỉnh B G và 06 vụ trộm cắp trên địa bàn huyện L, tỉnh B G. Các vụ trộm cắp thể như sau:

Đêm một ngày tháng 7/2022 tại đoạn đường liên thôn thuộc thôn Đồng M, xã Hương M, huyện V, tỉnh B G, H, V và B trộm cắp 53m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum, trị giá 19.511.155đ; 62m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum, trị giá 22.824.370 đồng, tổng giá trị tài sản là 42.335.525đ – Vụ thứ nhất;

Đêm một ngày tháng 9/2022 tại đoạn đường khu vực cầu Nổi, thuộc thôn B, xã Thượng L, huyện V, tỉnh B G H, V và B trộm cắp 3,6m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum, trị giá 1.325.286đ; 04m dây

cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum có giá 1.472.540đ; 33m dây cáp điện lõi đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x25mm² nhãn hiệu Cadisum có giá 12.148.455đ, tổng giá trị tài sản là 14.946.281đ – Vụ thứ hai;

Đêm một ngày giữa tháng 8/2022 tại đoạn đường thuộc khu đô thị Phồn Xương, thị trấn Phồn Xương, huyện Y, H, V và B trộm cắp 89,2m dây cáp đồng loại cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x16 có giá 11.417.600đ.

Người bị hại là Công ty Minh H có đơn trình báo Công an huyện Y về việc bị mất trộm khoảng 380m dây cáp điện, trị giá khoảng 80.000.000đ. Nhưng do các bị cáo chỉ thừa nhận trộm cắp 89,2m dây cáp điện nên không có căn cứ buộc các bị cáo chịu trách nhiệm về 380m dây cáp điện bị mất của Công ty Minh H, (BL 153) - Vụ thứ ba;

Đêm một ngày tháng 9/2022 tại thôn T, xã Tiên L, huyện L H, V và B trộm cắp 132,6 mét dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x16+1x10, trị giá 24.928.800đ; – Vụ thứ tư;

Đêm của ngày tháng 9/2022 tại thôn G, xã Tiên L, huyện L H, V và Bình thực hiện 2 vụ trộm cắp 422,2m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x25+1x6, tổng giá trị thiệt hại là 89.168.640đ - Vụ thứ năm và vụ thứ sáu;

Đêm của ngày tháng 9/2022 tại thôn Trong, xã Tiên L, huyện L H, V và B thực hiện 2 vụ trộm cắp gồm 87,6m dây cáp điện loại 04 lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x10+1x6, cũ đã qua sử dụng lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2021 có giá có giá là 7.708.800đ; 130,3m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x25+1x6, cũ đã qua sử dụng lắp đặt mới vào thời điểm tháng 10/2021 có giá 11.466.400đ. Tổng giá trị thiệt hại là 19.175.200đ - Vụ thứ bảy và vụ thứ tám;

Khoảng 0 giờ ngày 22/9/2022, tại thôn T, xã Tiên L, huyện L, tỉnh B G, H và V trộm cắp được 159,6m dây cáp điện bốn lõi đồng nhãn hiệu CADI Thắng Lợi loại 3x10+1x6, tổng giá trị thiệt hại là 14.044.800đ – Vụ thứ chín.

Trong đó: Bị cáo H; bị cáo V, bị cáo B thực hiện 08 vụ trộm cắp dây cáp điện ngầm với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 201.972.046đ.

Ngoài 8 lần trộm cắp nói trên thì bị cáo H và bị cáo V còn thực hiện vụ trộm cắp thứ 9 ở huyện L với tổng giá trị giá tài sản chiếm đoạt là 14.044.800đ. Như vậy, các bị cáo H và bị cáo V thực hiện 09 vụ trộm cắp dây cáp điện ngầm với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 216.016.846đ.

[1] Xét kháng cáo của bị cáo H và bị cáo V xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy:

Tại Điểm a, khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”.

Với tình tiết nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thanh H, Chu Văn V về tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[1.1] Về tính chất, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn, không có sự phân công giám sát chặt chẽ. Nguyễn Thanh H là người chủ mưu, rủ rê lôi kéo, chuẩn bị công cụ phương tiện, tích cực thực hiện tội phạm nên giữ vai trò chính trong vụ án. Chu Văn V là người giúp sức tích cực, thực hiện tội phạm đến cùng, nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[1.2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H và bị cáo V đã phạm tội hai lần trở lên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự với tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo H và bị cáo V là có căn cứ.

[1.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H và bị cáo V đều phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội; bị cáo H và bị cáo V đã tác động gia đình bồi thường phần lớn thiệt hại cho người bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại là Công ty cổ phần đầu tư Minh H, do ông Hoàng Văn H3 đại diện theo ủy quyền đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo H và V. Bị cáo H có bố đẻ là thương binh và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H và bị cáo V đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo H và bị cáo V được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H 08 (tám) năm tù; xử phạt bị cáo Chu Văn V 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng cũng không nêu được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và bị cáo V, giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo H và bị cáo V là phù hợp với các quy định của pháp luật và tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về trách nhiệm dân sự thì thấy:

[2.1] Người bị hại là Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh B G do ông Ngô Văn Trình - Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện V là người đại diện theo ủy quyền đã yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 42.335.525đ + 14.946.281đ =

57.281.806đ, tương ứng với giá trị số dây cáp điện mà các bị cáo H, V, B đã thực hiện trong vụ trộm cắp thứ nhất và vụ trộm cắp thứ hai ở huyện V.

Do các bị cáo H, V, B cùng thực hiện trong vụ trộm cắp thứ nhất và vụ trộm cắp thứ hai ở huyện V và số tiền thu được sau khi bán dây cáp điện thì chia đều cho các bị cáo nên mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền cho người bị hại là: $57.281.806đ : 3 = 19.093.935,3đ$.

Ngày 15/02/2023, chị Đào Thị H2 (vợ của bị cáo H) và ông Chu Mạnh L1, (bố đẻ của bị cáo V) mỗi người đã bồi thường cho số tiền là 19.100.000đ cho UBND huyện V. UBND huyện V đã nhận tiền và yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu là 19.081.800đ.

Lẽ ra số tiền còn thiếu là 19.081.800đ phải buộc bị cáo B bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện V. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc các bị cáo H, V, B phải liên đới bồi thường cho UBND huyện V, tính B G số tiền 19.081.800đ cụ thể là: Bị cáo H bồi thường 7.081.800đ, bị cáo V bồi thường 6.000.000đ, bị cáo B bồi thường 6.000.000đ là không công bằng, gây thiệt hại cho bị cáo H và bị cáo V.

Do vậy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác nhận bị cáo H và bị cáo V đã bồi thường cho UBND huyện V số tiền là 19.100.000đ; bị cáo B phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho UBND huyện V số tiền còn thiếu là: 19.081.800đ.

[2.2] Người bị hại là Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H có địa chỉ tại thị trấn Phồn X, huyện Y do ông Hoàng Văn H3 là nhân viên bảo vệ của Công ty, là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 60.000.000đ vì cho rằng các bị cáo đã trộm cắp 380m dây cáp điện, (trong vụ trộm cắp thứ ba ở huyện Y).

Mặc dù ban đầu các bị cáo chỉ thừa nhận trộm cắp 89,2m dây cáp điện được định giá là 11.417.600đ.

Tuy nhiên, ngày 22/02/2023, chị Đào Thị H2 (vợ của bị cáo H) và anh Chu Văn Th (anh trai của bị cáo V) mỗi người đã bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H số tiền 20.000.000đ. Công ty cổ phần đầu tư Minh H, do ông Hoàng Văn H3 là người đại diện theo ủy quyền đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo H và bị cáo V bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đặng Văn B đồng ý sẽ bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H số tiền còn thiếu là 20.000.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo B và đã buộc bị cáo B phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H số tiền 20.000.000đ là có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung trên.

[2.3] Người bị hại là UBND huyện L do ông Dương Văn T2 - Chánh Văn phòng của UBND huyện L, là người đại diện theo ủy quyền đã yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 147.317.440đ tương ứng với giá trị số dây cáp điện mà các bị cáo đã thực hiện 6 trộm cắp ở huyện L gồm: Vụ án thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín.

Do cả 3 bị cáo H, V, B cùng thực hiện 5 vụ trộm cắp ở địa bàn huyện L, (Vụ thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám) với tổng giá trị thiệt hại là: 24.928.800đ + 89.168.640đ + 19.175.200đ = 133.272.640đ.

Nên mỗi bị cáo H, V, B phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền trong 5 vụ trộm cắp nói trên là: $133.272.640đ : 3 = 44.424.213,3đ$.

Do bị cáo H và V thực hiện vụ trộm cắp thứ chín ở thôn T, xã Tiên L, huyện L với tổng giá trị thiệt hại là 14.044.800đ nên mỗi bị cáo H và V phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền trong vụ trộm cắp thứ chín là: $14.044.800đ : 2 = 7.022.400đ$.

Như vậy, lẽ ra bị cáo B phải bồi thường số tiền là: 44.424.213,3đ; bị cáo H và bị cáo V mỗi người phải bồi thường số tiền là: $44.424.213,3đ + 7.022.400đ = 51.446.613,3đ$.

Ngày 15/02/2023, chị Đào Thị H2 (vợ của bị cáo H) và ông Chu Mạnh L1 (bố đẻ của bị cáo V) mỗi người đã bồi thường cho UBND huyện L số tiền là 50.000.000đ. Ông Dương Văn T2 là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L đã nhận đủ 100.000.000đ; UBND huyện L yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu là 47.317.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên: *“Buộc các bị cáo H, V, B phải liên đới bồi thường cho UBND huyện L, tỉnh B G số tiền 47.317.000đ. Cụ thể bị cáo H phải bồi thường 15.917.000đ, bị cáo V phải bồi thường 15.700.000đ, bị cáo B phải bồi thường 15.700.000đ”*.

Việc tuyên án của Tòa án cấp sơ thẩm như trên là không đảm bảo quyền và lợi ích của bị cáo H và bị cáo V, không đảm bảo tính công bằng. Bởi lẽ số tiền thu được sau khi các bị cáo trộm cắp tài sản thì các bị cáo đã chia đều cho nhau được hưởng. Nay Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khấu trừ số tiền mà các bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Do vậy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác nhận bị cáo H và bị cáo V đã bồi thường cho UBND huyện L số tiền là 50.000.000đ; bị cáo B phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho UBND huyện L số tiền còn thiếu là: 44.424.213đ; bị cáo H và bị cáo V mỗi người phải bồi thường tiếp cho UBND huyện L số tiền còn thiếu là: $(147.317.000đ - 100.000.000đ - 44.424.213đ) : 2 = 2.892.787đ : 2 = 1.446.393đ$.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc cần phải sung công quỹ Nhà nước đối với vật chứng là 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, Biển kiểm soát 99A-023.62 thì thấy:

Giấy đăng ký xe ô tô mang tên ông Nguyễn Tuấn Đ sinh năm 1988 có địa chỉ: Tổ dân phố Khúc T, phường Khúc X, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc Ninh. (BL 899). Ông Đ có lời khai: Năm 2012, ông Đ mua xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, xe có Biển kiểm soát 99A-023.62. Sau đó ông Đ đã bán xe ô tô này cho ông Trần Văn H4, sinh năm 1987, có địa chỉ ở xóm Tr, xã Xuân Ph, huyện Phổ Y, tỉnh Thái Nguyên. Ông Đ đã giao xe và giấy tờ xe cho ông H4, (BL 1238).

Ông Trần Văn H4 có lời khai: Cách đây khoảng 5-6 năm có mua xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, xe có Biển kiểm soát 99A-023.62 của ông Đ. Sau đó ông H4 đã bán xe ô tô này cho ông Dương Văn Th1, sinh năm 1988, có địa chỉ ở thôn Lương Đ, xã Bắc S, huyện Sóc S, thành phố Hà Nội. Ông và ông Th1 đã làm giấy mua bán xe. Hiện nay ông H4 không lưu giữ giấy tờ gì liên quan đến chiếc xe ô tô này, (BL 1236).

Ông Dương Văn Th1 có lời khai: Cách đây vài năm ông Th1 có mua xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, có Biển kiểm soát 99A-023.62 của ông H4. Nhưng giấy đăng ký xe mang tên ông Đ. Năm 2020, ông Th1 đã bán xe ô tô này cho bị cáo Nguyễn Thanh H.

Bị cáo H xuất trình giấy mua bán xe ô tô ngày 27/4/2020 có nội dung: Ông Dương Văn Thụy bán xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, có Biển kiểm soát 99A-023.62 cho người mua là Nguyễn Thanh H.

Giấy giấy mua bán xe ô tô có chữ ký của người bán xe ô tô là ông Ông Dương Văn Thụy, (BL 1246).

Bà Nguyễn Thị L là mẹ bị cáo H đã trình bày: Bà L đưa tiền cho con trai của bà Lan là bị cáo H để nhờ H mua hộ xe ô tô, mục đích mua xe ô tô là để sử dụng xe ô tô trong công việc gia đình của bà Lan, đưa đón bà L đi khám bệnh, bà L không biết H sử dụng xe ô tô vào việc phạm tội.

Tuy nhiên bà L không có chứng cứ để chứng minh về việc bà L đã đưa tiền cho bị cáo H để mua xe ô tô. Giấy mua bán xe mang tên bị cáo H nên phải xác định chiếc xe ô tô này là của bị cáo H.

Bị cáo H sử dụng chiếc xe ô tô này để thực hiện 9 vụ trộm cắp trên địa bàn tỉnh B G cùng với bị cáo V và bị cáo B.

Theo quy định của điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS quy định về việc tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm cụ thể là:

“1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với:

a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội”.

Theo sự phân tích ở trên thì cần phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, có Biển kiểm soát 99A-023.62. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại trả lại chiếc xe ô tô này cùng các giấy tờ xe cho bà L là không đúng. Cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước ô tô nhãn hiệu Kia Morning, có Biển kiểm soát 99A-023.62; Giấy đăng ký xe ô tô mang tên ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1988 có địa chỉ: Tổ dân phố Khúc T, phường Khúc X, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị cáo H và bị cáo V không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo Chu Văn V; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H và bị cáo V;

Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 355, khoản 2, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L: Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 44/HS-ST, ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B G về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 173; các Điều 17, 38, 58; điểm b, s khoản 1 khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự; các Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thanh H, Chu Văn V.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H 08 (tám) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2022.

- Xử phạt: Bị cáo Chu Văn V 07 (bảy) năm, 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 589 của Bộ luật dân sự.

[2.1]. Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh H; Chu Văn V; Đặng Văn B phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là UBND huyện V, tỉnh B G (do ông Ngô Văn Tr - Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện V là người đại diện theo ủy quyền) tổng số tiền là 57.281.806đ.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo Chu Văn V mỗi người đã bồi thường cho người bị hại là UBND huyện V, tỉnh B G số tiền là 19.100.000đ. Bị cáo H và bị cáo V không phải bồi thường gì thêm cho UBND huyện V;

Buộc bị cáo Đặng Văn B phải có trách nhiệm bồi thường cho UBND huyện V, tỉnh B G số tiền còn thiếu là: 19.081.800đ, (mười chín triệu, không trăm tám mươi một ngàn, tám trăm đồng chẵn).

[2.2]. Chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo Nguyễn Thanh H; Chu Văn V; Đặng Văn B về việc bồi thường cho người bị hại là Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H (do ông Hoàng Văn H3 là nhân viên bảo vệ của Công ty, là người đại diện theo ủy quyền) tổng số tiền 60.000.000đ, (trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H số tiền là 20.000.000đ).

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo Chu Văn V mỗi người đã bồi thường cho người bị hại là Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H số tiền là 20.000.000đ. Bị cáo H và bị cáo V không phải bồi thường gì thêm cho Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H.

Bị cáo Đặng Văn B phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Minh H số tiền còn thiếu là 20.000.000đ, (hai mươi triệu đồng).

[2.3] Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh H; Chu Văn V; Đặng Văn B phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là UBND huyện L (do ông Dương Văn T2 - Chánh Văn phòng của UBND huyện L, là người đại diện theo ủy quyền) tổng số tiền là: 147.317.000đ, (trong đó bị cáo H và bị cáo V mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là: 51.446.613,3đ; bị cáo B phải bồi thường số tiền là 44.424.213đ).

Xác nhận bị cáo Nguyễn Thanh H và bị cáo Chu Văn V mỗi người đã bồi thường cho người bị hại UBND huyện L số tiền là 50.000.000đ, (năm mươi triệu đồng).

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh H, Chu Văn V, mỗi người phải bồi thường thêm cho người bị hại là UBND huyện L số tiền còn thiếu là 1.446.393đ, (một triệu bốn trăm, bốn mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi ba đồng).

Buộc bị cáo Đặng Văn B phải bồi thường cho người bị hại là UBND huyện L số tiền còn thiếu là 44.424.213đ, (bốn mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn, hai trăm mười ba đồng).

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với vật chứng là chiếc ô tô nhãn hiệu Kia Morning, BKS 99A-023.62, kèm theo xe ô tô là 01 Giấy đăng ký xe ô tô BKS 99A-023.62 mang tên ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1988 có địa chỉ: Tổ dân phố Khúc T, phường Khúc X, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc Ninh; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và 01 Giấy chứng nhận kiểm định của chiếc ô tô nhãn hiệu Kia Morning, BKS 99A-023.62.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng số 70 ngày 21/4/2023 giữa Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an huyện L, tỉnh B G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh B G).

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Thanh H, Chu Văn V mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B G;
- Sở tư pháp tỉnh B G;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết

.....

Phạm Thị Minh Hiền